

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 27

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 theo Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 21 tháng 1 năm 2000. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000047 ("GCNĐKKD") do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 4 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải và khai thác bến bãi.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HTV theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2005.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 296 Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Việt Thắng	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Phan Trọng Lập	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Văn Quỳnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên	từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Phạm Văn Thông	Thành viên	
Ông Đỗ Văn Hoàn	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên
Ông Phạm Thế Nghĩa	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Văn Quỳnh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2016
Ông Đỗ Văn Hoàn	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2016
Ông Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2016
Ông Trần Văn Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2016
Ông Đặng Thành Kết	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Văn Quỳnh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc: ✓



Trần Văn Quỳnh
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

**Building a better
working world**

Số tham chiếu: 61056427/18590803-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

30
C
IÁC
R
/



Building a better
working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		309.334.176.170	279.885.546.676
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	80.485.671.566	62.379.525.497
111	1. Tiền		19.685.671.566	6.161.287.085
112	2. Các khoản tương đương tiền		60.800.000.000	56.218.238.412
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	70.990.879.270	34.990.879.270
121	1. Chứng khoán kinh doanh		20.990.879.270	20.990.879.270
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		50.000.000.000	14.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		157.628.133.035	182.196.384.694
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	104.988.786.910	131.689.610.531
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.528.332.311	1.625.072
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	51.718.729.643	50.623.213.920
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(607.715.829)	(118.064.829)
140	IV. Hàng tồn kho	8	229.492.299	318.757.215
141	1. Hàng tồn kho		229.492.299	318.757.215
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		67.000.900.979	73.836.484.449
220	I. Tài sản cố định		66.895.541.888	73.731.125.358
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	66.895.541.888	73.731.125.358
222	Nguyên giá		146.568.553.299	146.527.253.299
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(79.673.011.411)	(72.796.127.941)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		105.359.091	105.359.091
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		105.359.091	105.359.091
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		376.335.077.149	353.722.031.125

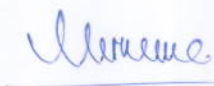
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		66.421.188.750	39.868.616.589
310	I. Nợ ngắn hạn		66.421.188.750	39.868.616.589
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	16.333.300.914	18.586.642.719
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	3.587.377.731	4.963.202.744
314	3. Phải trả người lao động		8.371.873.115	9.825.139.543
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	14.647.469.450	1.453.105.709
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	15.136.549.761	1.373.131.748
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14	8.344.617.779	3.667.394.126
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		309.913.888.399	313.853.414.536
410	I. Vốn chủ sở hữu	15.1	309.913.888.399	313.853.414.536
411	1. Vốn cổ phần		131.040.000.000	131.040.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		131.040.000.000	131.040.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		53.070.783.332	53.070.783.332
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		109.522.730.952	93.984.522.332
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.280.374.115	35.758.108.872
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.197.239.414	1.197.239.414
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		15.083.134.701	34.560.869.458
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		376.335.077.149	353.722.031.125



Ngô Đức Ngọc
Người lập



Trần Minh Huy
Kế toán trưởng



Trần Văn Quỳnh
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	16.1	98.235.097.652	97.398.028.134
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	18	(72.890.857.641)	(77.060.314.556)
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		25.344.240.011	20.337.713.578
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	2.484.495.009	843.625.994
22	5. Chi phí tài chính		-	4.731.709.421
23	Chi phí lãi vay		-	(132.388.207)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17, 18	(8.908.316.644)	(7.199.412.802)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.920.418.376	18.713.636.191
31	8. Thu nhập khác		-	1.621.023.691
40	9. Lợi nhuận khác		-	1.621.023.691
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.920.418.376	20.334.659.882
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19	(3.837.283.675)	(4.535.665.174)
60	12. Lợi nhuận sau thuế TNDN		15.083.134.701	15.798.994.708
70	13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.4	1.151	1.003
71	14. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	15.4	1.151	1.003

Ngô Đức Ngọc
Người lập

Trần Minh Huy
Kế toán trưởng



Trần Văn Quỳnh
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.920.418.376	20.334.659.882
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	9	6.876.883.470	6.853.381.054
03	Các khoản dự phòng		489.651.000	(4.879.440.000)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.484.495.009)	(2.161.133.005)
06	Chi phí lãi vay		-	132.388.207
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		23.802.457.837	20.279.856.138
09	Giảm các khoản phải thu		24.647.746.445	26.380.749.504
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		89.264.916	(7.824.740)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		10.364.163.976	(2.874.364.387)
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(132.388.207)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(5.430.099.143)	(6.131.768.100)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	913.289.595
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.241.437.185)	(3.387.033.845)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		52.232.096.846	35.040.515.958
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	9	(41.300.000)	(1.410.786.364)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	1.317.507.011
23	Tiền chi gửi ngân hàng		(50.000.000.000)	-
24	Tiền thu hồi các khoản tiền gửi		14.000.000.000	-
25	Tiền đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(55.131.168)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		1.915.349.223	431.192.661
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(34.125.950.777)	282.782.140

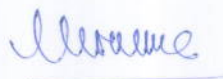
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ		-	7.671.186.000
33	Tiền thu từ đi vay		-	5.583.058.761
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(17.259.470.129)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		-	(4.005.225.368)
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ		18.106.146.069	31.318.072.730
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		62.379.525.497	19.732.533.159
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	80.485.671.566	51.050.605.889



Ngô Đức Ngọc
Người lập



Trần Minh Huy
Kế toán trưởng



Trần Văn Quỳnh
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 theo Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 21 tháng 1 năm 2000. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000047 ("GCNĐKKD") do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 4 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải và khai thác bến bãi.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HTV theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2005.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 296 Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 211 người (31 tháng 12 năm 2015: 208 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu là nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ, với giá trị được xác định theo chi phí mua trên cơ sở bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 *Khấu hao tài sản cố định hữu hình*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải đường thủy	10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh và các đầu tư góp vốn vào khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu khi Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quý khen thưởng phúc lợi

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quý khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc Công ty nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt	128.475.012	13.277.562
Tiền gửi ngân hàng	19.557.196.554	6.148.009.523
Các khoản tương đương tiền	60.800.000.000	56.218.238.412
TỔNG CỘNG	<u>80.485.671.566</u>	<u>62.379.525.497</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất bình quân dao động từ 5% đến 6,7%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	VND	
	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Chứng khoán kinh doanh (<i>Thuyết minh số 5.1</i>)	20.990.879.270	20.990.879.270
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (<i>Thuyết minh số 5.2</i>)	50.000.000.000	14.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>70.990.879.270</u>	<u>34.990.879.270</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	30 tháng 6 năm 2016		31 tháng 12 năm 2015		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc		Dự phòng
- Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 1	20.990.879.270	-	20.990.879.270	20.990.879.270	-	20.990.879.270

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30 tháng 6 năm 2016		31 tháng 12 năm 2015		VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000	-
- Tiền gửi ngân hàng (**)	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-
TỔNG CỘNG	50.000.000.000	50.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000

(*) Đây là khoản ủy thác cho Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng đầu tư có kỳ hạn trên ba tháng với lãi suất 5,5% một năm (Thuyết minh số 20).

(**) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn, có kỳ hạn gốc 12 tháng, với lãi suất dao động từ 4,98% đến 6,5%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	VND	
	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 20</i>)	90.033.798.818	118.524.161.549
Phải thu từ các bên khác	14.954.988.092	13.165.448.982
TỔNG CỘNG	104.988.786.910	131.689.610.531
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(607.715.829)	(118.064.829)
GIÁ TRỊ THUẦN	104.381.071.081	131.571.545.702

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	118.064.829	185.678.869
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	489.651.000	-
Số cuối kỳ	607.715.829	185.678.869

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	50.500.000.000	50.040.000.000
Lãi tiền gửi	569.145.786	180.667.734
Ứng trước theo hợp đồng hợp tác đầu tư	255.549.520	255.549.520
Phải thu khác	394.034.337	146.996.666
TỔNG CỘNG	51.718.729.643	50.623.213.920
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 20)</i>	<i>50.513.690.549</i>	<i>50.000.000.000</i>
<i>Phải thu từ bên thứ ba</i>	<i>1.205.039.094</i>	<i>623.213.920</i>

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	206.401.470	294.451.080
Công cụ, dụng cụ	23.090.829	24.306.135
TỔNG CỘNG	229.492.299	318.757.215

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải đường thủy	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:				VND
31 tháng 12 năm 2015	2.308.968.526	141.241.618.016	2.976.666.757	146.527.253.299
Mua trong kỳ	-	-	41.300.000	41.300.000
30 tháng 6 năm 2016	2.308.968.526	141.241.618.016	3.017.966.757	146.568.553.299
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	2.308.968.526	6.464.427.405	1.277.790.641	10.051.186.572
Giá trị hao mòn lũy kế:				
31 tháng 12 năm 2015	(2.308.968.526)	(68.648.991.035)	(1.838.168.380)	(72.796.127.941)
Khấu hao trong kỳ	-	(6.756.759.720)	(120.123.750)	(6.876.883.470)
30 tháng 6 năm 2016	(2.308.968.526)	(75.405.750.755)	(1.958.292.130)	(79.673.011.411)
Giá trị còn lại:				
31 tháng 12 năm 2015	-	72.592.626.981	1.138.498.377	73.731.125.358
30 tháng 6 năm 2016	-	65.835.867.261	1.059.674.627	66.895.541.888

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	30 tháng 6 năm 2016		31 tháng 12 năm 2015		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Phải trả cho người bán	15.795.167.193	15.795.167.193	17.963.942.188	17.963.942.188	
- Doanh nghiệp Tư nhân Trung Tài	7.011.327.260	7.011.327.260	8.694.258.844	8.694.258.844	
- Công ty TNHH MTV Chí Thành Đạt	1.867.979.908	1.867.979.908	2.001.568.569	2.001.568.569	
- Phải trả các đối tượng khác	6.915.860.025	6.915.860.025	7.268.114.775	7.268.114.775	
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 20)	538.133.721	538.133.721	622.700.531	622.700.531	
TỔNG CỘNG	16.333.300.914	16.333.300.914	18.586.642.719	18.586.642.719	

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31 tháng 12 năm 2015		Số phải nộp trong kỳ		Số đã nộp/ Cán trừ trong kỳ		30 tháng 6 năm 2016	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 19)	3.848.098.676	3.837.283.675	5.430.099.143	5.430.099.143	2.255.283.208	2.255.283.208		
Thuế giá trị gia tăng	902.450.317	9.823.509.772	9.570.719.317	9.570.719.317	1.155.240.772	1.155.240.772		
Thuế thu nhập cá nhân	212.653.751	350.674.143	386.474.143	386.474.143	176.853.751	176.853.751		
TỔNG CỘNG	4.963.202.744	14.011.467.590	15.387.292.603	15.387.292.603	3.587.377.731	3.587.377.731		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Chi phí vận chuyển	11.497.547.625	1.243.021.708
Chi phí sửa chữa sà lan	3.063.280.827	-
Chi phí khác	86.640.998	210.084.001
TỔNG CỘNG	<u>14.647.469.450</u>	<u>1.453.105.709</u>

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Cổ tức phải trả	13.105.434.500	1.434.500
Chi phí thiết kế văn phòng	600.000.000	-
Kinh phí công đoàn	365.106.365	333.396.595
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	339.673.546	438.931.123
Các khoản phải trả, phải nộp khác	726.335.350	599.369.530
TỔNG CỘNG	<u>15.136.549.761</u>	<u>1.373.131.748</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i> Phải trả các bên khác</i>	<i>14.557.631.936</i>	<i>1.100.183.622</i>
<i> Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 20)</i>	<i>578.917.825</i>	<i>272.948.126</i>

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	3.667.394.126	5.921.788.723
Trích lập quỹ trong kỳ	5.918.660.838	2.192.388.805
Sử dụng quỹ trong kỳ	<u>(1.241.437.185)</u>	<u>(1.730.669.661)</u>
Số cuối kỳ	<u>8.344.617.779</u>	<u>6.383.507.867</u>

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tính hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015						
31 tháng 12 năm 2014	100.800.000.000	69.222.867.374	(3.663.270.042)	78.781.616.743	28.672.533.808	273.813.747.883
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	4.007.915.958	3.663.270.042	-	-	7.671.186.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	15.798.994.708	15.798.994.708
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(10.080.000.000)	(10.080.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	(15.202.905.589)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(2.192.388.805)	(2.192.388.805)
30 tháng 6 năm 2015	100.800.000.000	73.230.783.332	-	93.984.522.332	16.996.234.122	285.011.539.786
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
31 tháng 12 năm 2015	131.040.000.000	53.070.783.332	-	93.984.522.332	35.758.108.872	313.853.414.536
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	15.083.134.701	15.083.134.701
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(13.104.000.000)	(13.104.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	(15.538.208.620)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(5.918.660.838)	(5.918.660.838)
30 tháng 6 năm 2016	131.040.000.000	53.070.783.332	-	109.522.730.952	16.280.374.115	309.913.888.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Vốn cổ phần		
31 tháng 12 năm 2015 và 30 tháng 6 năm 2016	<u>131.040.000.000</u>	<u>100.800.000.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	13.104.000.000	10.080.000.000

15.3 Cổ phiếu

	30 tháng 6 năm 2016		31 tháng 12 năm 2015	
	Số cổ phiếu	Giá trị (VND)	Số cổ phiếu	Giá trị (VND)
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.104.000	131.040.000.000	13.104.000	131.040.000.000
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.104.000	131.040.000.000	13.104.000	131.040.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	131.040.000.000	13.104.000	131.040.000.000

15.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	15.083.134.701	15.798.994.708
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(2.705.629.017)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	15.083.134.701	13.093.365.691
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (**)	13.104.000	13.055.481
Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.151	1.003

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.4 Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2015 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2016.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 chưa được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua.

(**) Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân kỳ trước đã được điều chỉnh để phản ánh việc phát hành thêm 3.024.000 cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu thông qua sử dụng thặng dư vốn cổ phần và nguồn lợi nhuận chưa phân phối theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – *Lãi trên cổ phiếu*.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	98.235.097.652	97.398.028.134
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu vận tải đường thủy</i>	95.880.004.598	96.791.481.512
<i>Doanh thu bốc dỡ hàng</i>	1.962.490.302	606.546.622
<i>Doanh thu cho thuê kho</i>	392.602.752	-

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lãi tiền gửi	2.484.495.009	843.625.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí nhân công	3.054.587.125	2.634.895.591
Chi phí khấu hao tài sản	120.123.750	96.621.334
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.836.949.508	1.634.620.378
Chi phí khác	2.896.656.261	2.833.275.499
TỔNG CỘNG	<u>8.908.316.644</u>	<u>7.199.412.802</u>

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí nhiên liệu và vật liệu	5.410.729.143	8.576.755.579
Chi phí nhân công	17.052.217.624	17.238.492.674
Chi phí khấu hao tài sản (<i>Thuyết minh số 9</i>)	6.876.883.470	6.853.381.054
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.403.987.241	48.633.811.825
Chi phí khác	1.055.356.807	2.957.286.226
TỔNG CỘNG	<u>81.799.174.285</u>	<u>84.259.727.358</u>

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa tổng lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.920.418.376	20.334.659.882
<i>Điều chỉnh:</i>		
Thù lao Hội đồng Quản trị	266.000.000	282.000.000
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	19.186.418.376	20.616.659.882
Chi phí thuế TNDN ước tính	3.837.283.675	4.535.665.174
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ	3.837.283.675	4.535.665.174
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	3.848.098.676	4.535.151.899
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(5.430.099.143)	(6.131.768.100)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	2.255.283.208	2.939.048.973

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

			VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	69.172.753.361	82.087.674.259
		Chi phí tiện ích	151.247.640	142.919.280
		Ký quỹ	500.000.000	-
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Bên liên quan	Phí tư vấn	489.212.474	486.990.141
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.550.030.876	-
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Xi măng Holcim Việt Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	1.105.494.601	-
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Bên liên quan	Lãi tiền gửi có kỳ hạn	325.722.223	389.277.777

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Hội đồng Quản trị	252.000.000	252.000.000
Ban kiểm soát	78.000.000	78.000.000
TỔNG CỘNG	330.000.000	330.000.000

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>31 tháng 12 năm 2015</i>
----------------------	--------------------	-------------------------------	--------------------------------	---------------------------------

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 5.2)

Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Bên liên quan	Tiền gửi có kỳ hạn	-	14.000.000.000
-----------------------------------	---------------	--------------------	---	----------------

Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	86.419.887.884	118.524.161.549
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.805.539.633	-
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Xi măng Holcim Việt Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	808.371.301	-
			90.033.798.818	118.524.161.549

Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Ký quỹ	50.500.000.000	50.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Bên liên quan	Ký quỹ	13.690.549	-
			50.513.690.549	50.000.000.000

Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 10)

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Chi phí tiện ích	-	(30.381.552)
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Bên liên quan	Phí tư vấn	(538.133.721)	(592.318.979)
			(538.133.721)	(622.700.531)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau: (tiếp theo)

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 13)				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Bên liên quan	Chi hộ	(500.000.000)	-
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Bên liên quan	Nhận ký quỹ	(53.690.549)	(272.948.126)
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Chi phí tiện ích	(25.227.276)	-
			(578.917.825)	(272.948.126)

21. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

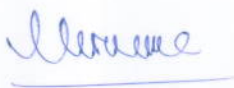
	VND	
	30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Dưới 1 năm	1.560.000.000	601.193.280
Từ 1 đến 5 năm	2.860.000.000	1.803.579.840
TỔNG CỘNG	4.420.000.000	2.404.773.120

22. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ.



Ngô Đức Ngọc
Người lập



Trần Minh Huy
Kế toán trưởng



Trần Văn Quỳnh
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11... tháng 08 năm 2016

**GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG TĂNG SAU KIỂM TOÁN
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH QUÝ 2/2016
(SO VỚI TRƯỚC KIỂM TOÁN)**

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính v/v hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Vận tải Hà Tiên (mã chứng khoán HTV) xin giải trình kết quả kinh doanh quý 2/2016 sau kiểm toán như sau:

TT	CHỈ TIÊU	Quý 2/2016 (đ) (Trước kiểm toán)	Quý 2/2016 (đ) (Sau kiểm toán)	Chênh lệch (đ)	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu	52.339.048.382	52.339.048.382	0	0
2	Lợi nhuận gộp	15.415.826.623	15.415.826.623	0	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	922.567.768	1.491.713.554	569.145.786	161.69%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	10.571.482.728	11.151.416.040	579.933.312	105.49%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 2/2016 sau kiểm toán của Công ty tăng 5.49%, tương ứng tăng 579.933.312 đồng so với trước kiểm toán chủ yếu là do ghi nhận thêm khoản dự thu hoạt động tài chính tăng 569.145.786 đồng, tương ứng tăng 61.69%.

Trên đây là giải trình biến động tăng kết quả sản xuất kinh doanh sau kiểm toán quý 2/2016 so với cùng kỳ năm nay trước kiểm toán. Bản giải trình này không thể tách rời với báo cáo tài chính quý 2/2016 sau kiểm toán.

Trân trọng kính chào!

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Văn Quỳnh